

TỔ CHỨC TỰ HỌC MÔN GIÁO DỤC HỌC CHO SINH VIÊN CÁC NGÀNH SƯ PHẠM THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC THỰC HIỆN

Lê Thị Hằng¹

Tóm tắt: *Dạy và học theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện đang là xu hướng được nhiều nước trên thế giới quan tâm. Ở nước ta, cách tiếp cận này trong những năm gần đây được đặc biệt quan tâm. Giáo dục học với tư cách là môn khoa học nghiệp vụ giữ vai trò hết sức quan trọng trong việc hình thành và phát triển trình độ văn hóa sư phạm cho người giáo viên tương lai. Vì vậy, giáo dục học trở thành môn học bắt buộc đối với sinh viên các trường sư phạm và các khoa sư phạm. Môn học này nếu được xây dựng hướng đến chuẩn nghề nghiệp giáo viên sẽ giúp cho sinh viên ra trường đáp ứng được nhu cầu của công việc thực tế. Ở nhiều trường đại học hiện nay, với sinh viên sư phạm tự học là nhiệm vụ quan trọng. Chương trình đào tạo theo tín chỉ đòi hỏi ý thức tự học rất cao. Do đó, việc tổ chức tự học nói chung và tự học theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện cần các trường Đại học đặc biệt chú trọng trong đào tạo sinh viên.*

Từ khóa: *Năng lực, Năng lực thực hiện, Sư phạm, Sinh viên, Giáo dục*

1. Mở đầu

Tiếp cận năng lực được sử dụng như một phương tiện gắn kết những đòi hỏi của thực tiễn với các chương trình giáo dục và đào tạo. Ở nước ta, việc xây dựng chương trình theo cách tiếp cận năng lực thực hiện được đặc biệt quan tâm trong những năm gần đây. Cách thiết kế chương trình này đòi hỏi giáo dục phải gắn liền với thực tiễn đời sống. Do đó, việc tổ chức tự học cho người học theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện vô cùng quan trọng. Đối với sinh viên sư phạm thì Giáo dục học là môn học bắt buộc vì đây là môn học đóng góp một vai trò cực kì quan trọng trong việc hình thành và phát triển trình độ văn hóa sư phạm cho người giáo viên tương lai. Nghiên cứu thực nghiệm trên sinh viên trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng đã cho thấy hiệu quả của tổ chức tự học cho sinh viên theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện.

2. Nội dung

2.1. Vai trò của môn giáo dục học trong nhà trường sư phạm

Trong quá trình đào tạo người giáo viên, việc hình thành trình độ văn hóa sư phạm cơ bản, toàn diện là một yêu cầu đặc biệt quan trọng. Trình độ văn hóa sư phạm ở đây có thể hiểu là toàn bộ kiến thức, kinh nghiệm lý luận cũng như thực tiễn khi thực hiện các hoạt động sư phạm. Với xu hướng toàn cầu hóa, hợp tác quốc tế ngày càng gia tăng thì tri thức là yếu tố quyết định đối với sự phát triển của xã hội và trở thành nhân tố quyết định nhất của lực lượng sản xuất, cùng với trình độ phát triển giáo dục ngày càng cao

1. Th.S., Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

của nhiều nước trên thế giới thì việc hình thành cho sinh viên sư phạm một nền tảng văn hóa sư phạm vừa rộng vừa sâu là một việc làm hết sức cần thiết và cấp bách. Để có được một trình độ văn hóa sư phạm như trên, ngoài những kiến thức chuyên ngành cần nắm vững, sinh viên sư phạm phải có những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo cơ bản của nghề. Giáo dục học với tư cách là môn khoa học nghiệp vụ giữ vai trò hết sức quan trọng trong việc hình thành và phát triển trình độ văn hóa sư phạm cho người giáo viên tương lai. Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề giáo dục như mục đích, tính chất, nhiệm vụ của nền giáo dục Việt Nam; về hoạt động nghiệp vụ của người giáo viên, rèn luyện cho họ những kỹ năng cơ bản trong dạy học và giáo dục, giúp họ hình thành lý tưởng đạo đức và tình cảm nghề nghiệp. Vì vậy, giáo dục học trở thành môn học bắt buộc đối với sinh viên các trường sư phạm và các khoa sư phạm. [4]. Tổ chức tự học môn Giáo dục học cho sinh viên sư phạm theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện gồm các bước sau đây:

- Chuẩn bị tự học: nghiên cứu các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá năng lực tự học của sinh viên; phân tích nội dung môn Giáo dục học; phân tích đặc điểm và đánh giá năng lực tự học của sinh viên; lập kế hoạch tổ chức tự học cho sinh viên; chuẩn bị tài liệu và phương tiện để hướng dẫn tự học.

- Tổ chức tự học trên lớp và ngoài giờ lên lớp

- Đánh giá kết quả tự học của sinh viên

2.2. Thực trạng tổ chức hoạt động tự học môn Giáo dục học cho sinh viên sư phạm theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện

Để tìm hiểu thực trạng tổ chức hoạt động tự học môn giáo dục học của sinh viên ngành sư phạm theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện, chúng tôi đã tiến hành khảo sát tại 3 trường thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng là nơi đào tạo sinh viên sư phạm hệ chính qui, cụ thể là:

- 25 sinh viên Khoa Sư phạm Kỹ thuật thuộc Đại học Bách khoa Đà Nẵng.

- 100 sinh viên Khoa Sư phạm tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Pháp và tiếng Nga thuộc trường Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng. Mỗi khoa 25 sinh viên.

- 250 sinh viên các ngành sư phạm chính qui của 10 Khoa thuộc Đại học Sư phạm Đà Nẵng. Mỗi Khoa 25 sinh viên.

Cách chúng tôi chọn sinh viên để tiến hành khảo sát như sau: Đối tượng khảo sát là sinh viên năm thứ 3, cụ thể là khoa Sư phạm Kỹ thuật của Đại học Bách khoa Đà Nẵng có 1 lớp gồm 25 sinh viên chúng tôi tiến hành khảo sát cả 25 em. Riêng đối với trường Đại học Ngoại ngữ và Đại học Sư phạm, chúng tôi tiến hành chọn mẫu một cách ngẫu nhiên lần lượt theo danh sách lớp từ trên xuống dưới cứ 2 sinh viên chúng tôi chọn 1 sinh viên để khảo sát.

- 9 giảng viên đang trực tiếp giảng dạy môn giáo dục học cho sinh viên cả 3 trường trên. Do số lượng giảng viên ít nên chúng tôi xem kết quả khảo sát như là ý kiến trao đổi với giảng viên đặc biệt là những giảng viên đã và đang trực tiếp giảng dạy môn học này.

2.2.1. *Thực trạng về tổ chức tự học môn giáo dục học của sinh viên sư phạm Đà Nẵng theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện*

Bảng 1. Kết quả khảo sát sinh viên

| TT | Trường Nội dung | ĐHSP | | ĐHBK | | ĐHNN | | Tổng | |
|----|--------------------|------------|------------|-----------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | N1 | 45 | 18,0 | 0 | 0,0 | 10 | 10,0 | 55 | 14,7 |
| 2 | N2 | 71 | 28,4 | 17 | 68,0 | 48 | 48,0 | 136 | 36,3 |
| 3 | N3 | 44 | 17,6 | 3 | 12,0 | 15 | 15,0 | 62 | 16,5 |
| 4 | N4 | 42 | 16,8 | 3 | 12,0 | 17 | 17,0 | 62 | 16,5 |
| 5 | N5 | 46 | 18,4 | 2 | 0,8 | 10 | 10,0 | 58 | 15,5 |
| 6 | N6 | 2 | 0,8 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 2 | 0,5 |
| | Tổng cộng | 250 | 100 | 25 | 100 | 100 | 100 | 375 | 100 |

Bảng 2. Kết quả khảo sát giảng viên

| Giảng viên | N1 | N2 | N3 | N4 | N5 | N6 |
|-------------------------|------|------|----|------|------|------|
| Môn Giáo dục học | 11,1 | 55,6 | 0 | 11,1 | 11,1 | 11,1 |

Đơn vị: Phần trăm (%)

Chú giải:

N1: Là biện pháp tổ chức tự học giúp sinh viên giải quyết nhiệm vụ môn Giáo dục học.

N2: Là hoạt động phối hợp giữa giảng viên môn Giáo dục học và sinh viên nhằm hướng dẫn, điều khiển hoạt động tự học của sinh viên, giúp sinh viên đạt được năng lực theo tiêu chuẩn nghề nghiệp và yêu cầu xã hội.

N3: Là phương pháp dạy học theo định hướng kết quả đầu ra.

N4: Là việc giảng viên tiến hành các biện pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, tự giác học tập của sinh viên.

N5: Là việc giảng viên hướng dẫn sinh viên các biện pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, tự giác học tập của sinh viên.

N6: Ý kiến khác.

Tỉ lệ giảng viên lựa chọn đáp án đúng là 55,6%. Tỉ lệ sinh viên trả lời đúng cao nhất là sinh viên bách khoa với 68%; tiếp đến là sinh viên ngoại ngữ với 48% câu trả lời đúng và cuối cùng là sinh viên sư phạm với 28,4% câu trả lời đúng.

Như vậy, so với sinh viên các trường khác thì sinh viên bách khoa không quan tâm nhiều đến vấn đề tự học và các kỹ năng để học tốt môn giáo dục học nhưng trong nhận thức về khái niệm tổ chức tự học môn giáo dục học theo tiếp cận năng lực các em lại hiểu rất đúng về vấn đề này. Nhìn chung giảng viên và sinh viên đã tường minh về khái niệm năng lực thực hiện và tự học theo tiếp cận năng lực thực hiện.

2.2.2. *Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức tự học môn giáo dục học theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện*

Bảng 3. Kết quả khảo sát sinh viên

| TT | Trường Nội dung | ĐHSP | | ĐHBK | | ĐHNN | | Tổng | |
|----|---|------------|------------|-----------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | Chương trình môn học | 24 | 9,6 | 0 | 0,0 | 17 | 17,0 | 41 | 10,9 |
| 2 | Giáo trình và tài liệu tham khảo | 34 | 13,6 | 6 | 24,0 | 16 | 16,0 | 56 | 14,9 |
| 3 | Điều kiện học tập (điều kiện sống, thư viện, cơ sở vật chất...) | 26 | 10,4 | 3 | 12,0 | 6 | 6,0 | 35 | 9,3 |
| 4 | Thời lượng học tập | 22 | 8,8 | 0 | 0,0 | 5 | 5,0 | 27 | 7,2 |
| 5 | Phương pháp giảng dạy của giảng viên | 30 | 12,0 | 5 | 20,0 | 17 | 17,0 | 52 | 13,9 |
| 6 | Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên | 23 | 9,2 | 4 | 16,0 | 6 | 6,0 | 33 | 8,8 |
| 7 | Phương pháp học tập của sinh viên | 29 | 11,6 | 2 | 8,0 | 11 | 11,0 | 42 | 11,2 |
| 8 | Ý chí học tập của sinh viên | 25 | 10,0 | 1 | 4,0 | 8 | 8,0 | 34 | 9,1 |
| 9 | Hứng thú đối với môn học | 37 | 14,8 | 4 | 16,0 | 14 | 14,0 | 55 | 14,7 |
| | Tổng cộng | 250 | 100 | 25 | 100 | 100 | 100 | 375 | 100 |

Đơn vị: Phần trăm (%)

Phương pháp học tập của sinh viên (33,3%); Ý chí học tập của sinh viên (33,3%); Hứng thú đối với môn học (33,3%), đây là ba yếu tố giảng viên đánh giá rất ảnh hưởng tới hiệu quả tổ chức tự học theo mô hình năng lực thực hiện. Các yếu tố còn lại đều có ảnh hưởng tới việc tổ chức tự học môn giáo dục học theo chuẩn đầu ra.

Theo ý kiến sinh viên hầu như tất cả các yếu tố nêu trên đều có ảnh hưởng tới việc tổ chức tự học môn giáo dục học của mình với các mức độ khác nhau. Theo các em, giáo dục học là môn học “khó học” bởi có nhiều kiến thức trừu tượng, khó hiểu đặc biệt là đối với sinh viên các khối tự nhiên. Đối với sinh viên sư phạm yếu tố ảnh hưởng nhất đến hiệu quả tổ chức tự học môn giáo dục học là hứng thú đối với môn học (14,8%). Để có được hứng thú đối với môn học lại phụ thuộc rất nhiều vào phương pháp giảng dạy và hướng dẫn của giảng viên (12%); đối với sinh viên bách khoa giáo trình và tài liệu tham khảo lại là yếu tố ảnh hưởng nhất đến hiệu quả của tổ chức tự học môn giáo dục học (24%), tiếp đến là phương pháp dạy học của giảng viên (20%). Sinh viên ngoại ngữ có cùng suy nghĩ với sinh viên sư phạm.

Như vậy, cả giảng viên và sinh viên đều cho rằng chất lượng của quá trình tổ chức tự học môn giáo dục học theo mô hình năng lực thực hiện chịu chi phối của nhiều yếu tố. Theo ý kiến của giảng viên yếu tố khách quan ảnh hưởng lớn nhất đến hiệu quả tổ chức tự học theo năng lực thực hiện là điều kiện học tập tốt môn học này. Yếu tố chủ quan là hứng thú, phương pháp và ý chí học tập của sinh viên. Ý kiến của sinh viên cho rằng yếu tố khách quan ảnh hưởng lớn nhất là thời lượng học tập và chương trình môn học. Yếu tố chủ quan ảnh hưởng nhiều nhất là ý chí và phương pháp học tập của sinh viên. Nhìn chung ý kiến của giảng viên và sinh viên về vấn đề này tương đối thống nhất. Đây là cơ sở quan trọng để chúng tôi xây dựng biện pháp tổ chức tự học cho sinh viên

theo cách tiếp cận này.

2.2.3. *Tổ chức tự học môn giáo dục học cho sinh viên sư phạm hướng tiếp cận năng lực thực hiện*

Bảng 4. Kết quả khảo sát sinh viên

| TT | Nội dung | ĐHSP | | ĐHBK | | ĐHNN | | Tổng | |
|------------------|----------|------------|------------|-----------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | N1 | 36 | 14,4 | 1 | 4,0 | 8 | 8,0 | 45 | 12,0 |
| 2 | N2 | 60 | 24,0 | 9 | 36,0 | 32 | 32,0 | 101 | 26,9 |
| 3 | N3 | 4 | 1,6 | 0 | 0,0 | 11 | 11,0 | 14 | 3,7 |
| 4 | N4 | 58 | 23,2 | 8 | 32,0 | 34 | 34,0 | 100 | 26,7 |
| 5 | N5 | 76 | 30,4 | 6 | 24,0 | 15 | 15,0 | 97 | 25,9 |
| 6 | N6 | 16 | 6,4 | 1 | 4,0 | 0 | 0,0 | 17 | 4,5 |
| Tổng cộng | | 250 | 100 | 25 | 100 | 100 | 100 | 375 | 100 |

Bảng 5. Kết quả khảo sát giảng viên

| Giảng viên | N1 | N2 | N3 | N4 | N5 | N6 |
|-------------------------|------|------|----|------|------|----|
| Môn Giáo dục học | 11,1 | 55,6 | 0 | 22,2 | 22,2 | 0 |

Đơn vị: Phần trăm (%)

Chú giải:

N1: Được giảng viên làm rõ mục tiêu bài học, môn học gắn với yêu cầu nghề nghiệp sư phạm.

N2: Được tham gia giải quyết các bài tập tình huống có liên quan đến nghề nghiệp trong mỗi bài học.

N3: Được tham gia vào các hoạt động chuẩn bị, tiến hành và đánh giá trong các buổi Xêmina.

N4: Được tham gia làm bài tập nhóm một cách thường xuyên.

N5: Được giảng viên cho làm bài tập, tiểu luận.

N6: Được giảng viên tạo điều kiện tự đánh giá theo tiêu chí cụ thể, có thể quan sát về đo lường được.

Sinh viên cho rằng họ tự học thông qua làm bài tập, tiểu luận môn giáo dục học cao nhất với 30,4% sinh viên sư phạm; 24% sinh viên bách khoa và 15% sinh viên ngoại ngữ. Đồng thời sinh viên cũng tự học thông qua tham gia giải quyết các bài tập tình huống có liên quan đến nghề nghiệp trong mỗi bài học: cao nhất là sinh viên bách khoa với 36%; tiếp đến là sinh viên ngoại ngữ 32% và sinh viên sư phạm là 24% lượt ý kiến. Bên cạnh đó, sinh viên cũng thường xuyên làm các bài tập nhóm do giảng viên giao làm tại lớp hoặc làm ở nhà (cao nhất là sinh viên ngoại ngữ với 34%).

Ý kiến của giảng viên cũng tương đối đồng nhất với sinh viên, 55,6% giảng viên tổ chức cho sinh viên tham gia giải quyết các bài tập tình huống có liên quan đến nghề nghiệp trong mỗi bài học và 22,2% giảng viên tổ chức cho sinh viên tham gia giải bài tập,

tiểu luận, trong môn học. Nhìn chung sinh viên và giảng viên đã tương đối thống nhất về mô hình tự học tiếp cận năng lực thực hiện. Đây là căn cứ để tiến hành đề xuất các mô hình tổ chức tự học tiếp cận năng lực thực hiện cho phù hợp.

2.2.4. *Biện pháp phát triển năng lực tự học môn giáo dục học theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện*

Bảng 6. Biện pháp phát triển năng lực tự học môn giáo dục học theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện

| TT | Nội dung | Trường | ĐHSP | | ĐHBK | | ĐHNN | | Tổng | |
|----|--|--------|------------|------------|-----------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | Thông báo trước nội dung sắp học, yêu cầu sinh viên có kế hoạch nghiên cứu trước bài học | | 26 | 10,4 | 3 | 12,0 | 19 | 19,0 | 48 | 12,8 |
| 2 | Làm rõ kết quả học tập cần đạt với những tiêu chí cụ thể. | | 17 | 6,8 | 0 | 0,0 | 10 | 10,0 | 27 | 7,2 |
| 3 | Phân tích ý nghĩa bài học, môn học với nghề nghiệp tương lai. | | 20 | 8,0 | 4 | 16,0 | 7 | 7,0 | 31 | 8,3 |
| 4 | Cho biết yêu cầu, sinh viên tự nghiên cứu nội dung bài mới, viết đề cương nghiên cứu. | | 12 | 4,8 | 2 | 8,0 | 6 | 6,0 | 20 | 5,3 |
| 5 | Giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo và hướng dẫn cách học cho sinh viên. | | 27 | 10,8 | 0 | 0,0 | 14 | 14,0 | 41 | 10,9 |
| 6 | Phân tích ý nghĩa bài học với phát triển nghề nghiệp tương lai. | | 14 | 5,6 | 3 | 12,0 | 8 | 8,0 | 25 | 6,7 |
| 7 | Hướng dẫn sinh viên làm việc theo nhóm, thảo luận nội dung bài học. | | 25 | 10,0 | 3 | 12,0 | 0 | 0,0 | 28 | 7,5 |
| 8 | Đọc cho sinh viên chép | | 1 | 0,4 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 1 | 0,3 |
| 9 | Khuyến khích sinh viên hỏi và đóng góp ý kiến vào bài học | | 28 | 11,2 | 5 | 20,0 | 17 | 17,0 | 50 | 13,3 |
| 10 | Khai thác nội dung bài học để xây dựng bài tập, bài tập tình huống. | | 20 | 8,0 | 0 | 0,0 | 4 | 4,0 | 24 | 6,4 |
| 11 | Vận dụng đa dạng hình thức tổ chức dạy học như hoạt động ngoại khóa, xemina, tiểu luận. | | 18 | 7,2 | 2 | 8,0 | 0 | 0,0 | 20 | 5,3 |
| 12 | Hướng dẫn sinh viên tự kiểm tra, đánh giá. | | 14 | 5,6 | 0 | 0,0 | 5 | 5,0 | 19 | 5,1 |
| 13 | Ứng dụng công nghệ thông tin trong hướng dẫn tự học | | 15 | 6,0 | 1 | 4,0 | 1 | 1,0 | 17 | 4,5 |
| 14 | Giao nhiệm vụ cho sinh viên làm ở nhà | | 13 | 5,2 | 2 | 8,0 | 9 | 9,0 | 24 | 6,4 |
| | Tổng cộng | | 250 | 100 | 25 | 100 | 100 | 100 | 375 | 100 |

Đơn vị: Phần trăm (%)

Theo sinh viên, trong quá trình hướng dẫn tự học môn giáo dục học giảng viên đã sử dụng phối hợp nhiều biện pháp trong tổ chức tự học môn giáo dục học cho sinh viên. Một số biện pháp giảng viên thường xuyên sử dụng là: Hướng dẫn sinh viên làm việc theo nhóm, thảo luận nội dung bài học (7,5%); Vận dụng đa dạng hình thức tổ chức dạy học như hoạt động ngoại khóa, xemina, tiểu luận (5,3); Giao nhiệm vụ cho sinh viên làm ở nhà (6,4%); Làm rõ kết quả học tập cần đạt với những tiêu chí cụ thể (7,2%); Cho biết yêu cầu, sinh viên tự nghiên cứu nội dung bài mới, viết đề cương nghiên cứu (5,3).

Khi được hỏi về các biện pháp mà thầy cô hay sử dụng để phát triển năng lực thực hiện cho sinh viên, chúng tôi thu được kết quả bên cạnh những biện pháp nêu trên giảng viên còn sử dụng biện pháp “Thông báo trước nội dung sắp học, yêu cầu sinh viên có kế hoạch nghiên cứu trước bài học” (12,8%) và “Hướng dẫn sinh viên tự kiểm tra, đánh giá” (5,1%).

Như vậy, các biện pháp nhằm phát triển năng lực tự học cho sinh viên rất đa dạng và phong phú, có những biện pháp được sử dụng với mức độ thường xuyên và rất thường xuyên cao còn một số biện pháp được dùng ít hơn. Điều này chứng tỏ giảng viên đã căn cứ vào tình hình thực tiễn mà áp dụng các biện pháp cho phù hợp.

2.2.5. Những khó khăn khi tổ chức tự học môn giáo dục học theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện

Bảng 7. Khó khăn mà sinh viên gặp phải khi tổ chức tự học môn giáo dục học theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện

| TT | Nội dung | Trường | ĐHSP | | ĐHBK | | ĐHNN | | Tổng | |
|----|---|--------|------------|------------|-----------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | Chưa biết cách học | | 49 | 19,6 | 3 | 12,0 | 14 | 14,0 | 66 | 17,6 |
| 2 | Thiếu động lực để bạn tích cực học tập | | 32 | 12,8 | 8 | 32 | 20 | 20,0 | 60 | 16,0 |
| 3 | Thiếu giáo trình, tài liệu tham khảo | | 38 | 15,2 | 0 | 0,0 | 14 | 14,0 | 52 | 13,9 |
| 4 | Thiếu thời gian tự học | | 44 | 17,6 | 0 | 0,0 | 21 | 21,0 | 65 | 17,3 |
| 5 | Giảng viên chưa quan tâm, khuyến khích tự học | | 19 | 7,6 | 0 | 0,0 | 6 | 6,0 | 25 | 6,7 |
| 6 | Giảng viên chưa hướng dẫn cụ thể cách học tập, rèn luyện theo tiếp cận năng lực | | 18 | 7,2 | 1 | 4,0 | 12 | 12,0 | 31 | 8,3 |
| 7 | Thiếu địa điểm tự học. | | 21 | 8,4 | 4 | 16,0 | 3 | 3,0 | 28 | 7,5 |
| 8 | Thiếu bầu không khí tâm lý tích cực, say mê để khuyến khích tự học | | 29 | 11,6 | 9 | 36,0 | 10 | 10,0 | 48 | 12,8 |
| | Tổng cộng | | 250 | 100 | 25 | 100 | 100 | 100 | 375 | 100 |

Về mặt chủ quan khi tự học môn giáo dục học sinh viên thường gặp phải những khó khăn như: Thiếu động lực để tích cực học tập (16,0% trong đó sinh viên bạch khoa và ngoại

ngữ yếu tố này thể hiện cao nhất: 20%); Chưa biết cách học (17,6%).

Về mặt khách quan sinh viên gặp những khó khăn như: Thiếu giáo trình tài liệu tham khảo (13,9%); Thiếu thời gian tự học (17,3); Thiếu bầu không khí tâm lý tích cực, say mê để khuyến khích tự học (12,8%).

2.3. Hệ thống tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá năng lực tự học của sinh viên

Trên cơ sở nghiên cứu Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở của Bộ Giáo dục và đào tạo (2008), bằng phương pháp phân tích nghề kết và phân tích chức năng, xin đề xuất bảy tiêu chuẩn đánh giá năng lực tự học của sinh viên trong các trường đại học sư phạm như sau:

Tiêu chuẩn 1. Lập kế hoạch tự học

- 1.1. Phân tích nhiệm vụ học tập
- 1.2. Phân tích điều kiện tự học (thời gian, học liệu, năng lực tự học, quan hệ xã hội...)
- 1.3. Xác định mục tiêu tự học.
- 1.4. Xây dựng phương pháp, biện pháp tự học hiệu quả.
- 1.5. Xác định kế hoạch, phương pháp kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch tự học.

Tiêu chuẩn 2. Tổ chức hoạt động tự học

- 2.1. Năng lực đọc sách.
- 2.2. Năng lực tìm kiếm và khai thác thông tin
- 2.3. Phân tích và xử lý
- 2.4. Năng lực làm việc theo nhóm.
- 2.5. Năng lực giải quyết vấn đề, nhiệm vụ học tập.

Tiêu chuẩn 3. Tự lực hoàn thành nhiệm vụ học dạy học

- 3.1. Phân tích chương trình môn học.
- 3.2. Phân tích đặc điểm người học.
- 3.3. Phân tích môi trường học tập.
- 3.4. Xây dựng kế hoạch dạy học môn học.
- 3.5. Xây dựng các công cụ đo lường và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.
- 3.6. Có kế hoạch khai thác và sử dụng có hiệu quả các phương pháp dạy học.
- 3.7. Có kế hoạch phối hợp với các bạn bè, sự hướng dẫn của thầy (cô) trong thực hiện nhiệm vụ dạy học.
- 3.8. Phát triển kế hoạch dạy học nhằm thực hiện các giờ lên lớp (thực hành trên lớp và ngoài giờ lên lớp trong các tình huống dạy học khác nhau).

- 3.9. Thực hiện dạy học ở cơ sở thực tập sư phạm.

Tiêu chuẩn 4. Tự lực hoàn thành học công tác giáo dục học sinh.

- 4.1. Phân tích đặc điểm tâm-sinh lý học sinh.
- 4.2. Lập kế hoạch giáo dục.

4.3. Phát triển kế hoạch giáo dục nhằm tổ chức tốt hoạt động giáo dục cho học sinh (trong các tình huống giáo dục khác nhau)-thực hành trên lớp học hoặc ngoài giờ lên lớp.

4.4. Phối hợp với bạn bè, sự hướng dẫn của giáo viên học sinh nhằm thực hiện tốt hoạt động giáo dục.

4.5. Tổ chức các hoạt động giáo dục ở cơ sở thực tập sư phạm.

4.6. Xây dựng công cụ đo lường và đánh giá kết quả giáo dục học sinh.

Tiêu chuẩn 5. Tự lực tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học.

5.1. Xác định đề tài nghiên cứu khoa học.

5.2. Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học.

5.3. Giải quyết nhiệm vụ đề tài.

5.4. Kiểm tra, đánh giá tiến độ, phương pháp, kết quả nghiên cứu.

Tiêu chuẩn 6. Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp.

6.1. Có lý tưởng, niềm tin nghề nghiệp.

6.2. Có kế hoạch phát triển nghề nghiệp trong tương lai (mục tiêu phấn đấu, kế hoạch thực hiện).

6.3. Có kế hoạch tự bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

6.4. Có kế hoạch rèn luyện đạo đức, tác phong phù hợp chuẩn mực đạo đức của giáo viên.

6.5. Thiết tha với sự nghiệp giáo dục, yêu nghề, yêu học sinh.

Tiêu chuẩn 7. Kiểm tra, đánh giá kết quả tự học.

7.1. Xây dựng công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả tự học.

7.2. Sử dụng phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả tự học phù hợp, khoa học, linh hoạt.

7.3. Điều chỉnh kế hoạch tự học (mục tiêu, thời gian, phương pháp, phương tiện, hình thức, tự học) phù hợp với nhiệm vụ giáo dục và điều kiện bản thân.

3. Kết luận

Xây dựng, thiết kế chương trình giáo dục theo cách tiếp cận năng lực thực hiện là một xu thế khá nổi trội, được nhiều nước chú ý vận dụng trong việc xây dựng và phát triển chương trình. Giáo dục theo năng lực thực hiện có nghĩa là hướng tới chuẩn đầu ra, là trang bị cho người học những năng lực cần thiết để giải quyết những nhiệm vụ do thực tiễn đặt ra một cách có hiệu quả theo tiêu chuẩn nghề nghiệp.

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng đang xây dựng chuẩn đầu ra cho tất cả các mã ngành đào tạo, tiến tới xây dựng chuẩn đầu ra ở tất cả các chương trình, các môn học. Giáo dục học là một môn học “cốt lõi”, đặc trưng, mang tính chất ứng dụng, có vai trò quan trọng trong việc rèn luyện “tay nghề” cho người giáo viên trong tương lai. Tự học là một hoạt động quan trọng trong đào tạo tín chỉ. Do đó, việc tổ chức tự học cho sinh viên nói chung và tổ chức tự học môn giáo dục học nói riêng theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện cần đặc biệt chú trọng trong hoạt động đào tạo của các trường hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đại học Đà Nẵng, trường Đại học Sư phạm (2009), Sổ tay sinh viên dành cho khóa tuyển sinh 2009 đào tạo theo học chế tín chỉ, Đà Nẵng.
- [2] Nguyễn Thị Phương Hoa (2004), “Một phương hướng cải tiến nâng cao chất lượng dạy học bộ môn Giáo dục học”, *Tạp chí Khoa học (Khoa học xã hội và nhân văn)*, (12), 68-76.
- [3] Nguyễn Văn Khôi (2011), “Phát triển chương trình giáo dục”, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [4] Trịnh Xuân Thu (2011), “Đổi mới chương trình đào tạo giáo viên công nghệ theo năng lực thực hiện”, *Tạp chí giáo dục*, 254, 19-20.
- [5] Nguyễn Quang Việt (2006), “Kiểm tra đánh giá trong dạy học thực hành theo tiếp cận năng lực thực hiện”, Luận án tiến sĩ lý luận và lịch sử sư phạm học, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [6] Phan Thị Hồng Vinh, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Giang Nam (2010), “Giáo trình Giáo dục học (*biên soạn theo module*)”, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [7] Phan Thị Hồng Vinh (2010), “Xây dựng, phát triển và quản lý chương trình dạy học (*Giáo trình dùng cho sinh viên cao học Giáo dục học và Quản lý Giáo dục*)”, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.

Title: STUDENTS’ SELF-STUDY FOR PEDAGOGY ORGANIZED IN FACULTIES OF EDUCATION: A COMPETENCY-BASED APPROACH

LE THI HANG

University of Education, the University of Danang

Abstract: *Competency- based education, an approach to teaching and learning of global interest, has also recently been a trend in Vietnam. As a specialized science subject, Pedagogy plays a significant role in the formation and development of future teachers’ pedagogical qualifications. It therefore becomes a compulsory subject for all students at universities and faculties of education so that students after graduating from university can have standard qualifications for practical requirements. Students’ self-study is deemed a key task in most of universities, especially in credit-based programs. The organization for students’ competency-based self-study consequently needs to be paid special attention by universities.*

Key words: *Competency, Competency-based approach, Pedagogy, Students, education*